



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN  
PHU NHUAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011**  
ANNUAL REPORT

# MỤC LỤC



## **Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

### **1. Tóm lược lịch sử hoạt động và phát triển của Công ty**

- 1.1 Lịch sử hình thành và phát triển
- 1.2 Giới thiệu về Công ty và hệ thống các đơn vị thành viên

### **2. Tình hình hoạt động năm 2011**

- 2.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2.2 Báo cáo của HĐQT về kết quả kinh doanh năm 2011
- 2.3 Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán
- 2.4 Báo cáo về tình hình tài chính
  - \* Bảng cân đối kế toán
  - \* Kết quả hoạt động kinh doanh
  - \* Bảng lưu chuyển tiền tệ
  - \* Bảng thuyết minh báo cáo tài chính
- 2.5 Công tác phát triển thương hiệu và tham gia các hoạt động hướng đến cộng đồng

### **3. Tổ chức và nhân sự**

- 3.1 Cơ cấu lao động
- 3.2 Chính sách đối với người lao động

### **4. Thành tích nổi bật trong năm 2011**

### **5. Định hướng phát triển**

- 5.1 Định hướng sản xuất kinh doanh
- 5.2 Các biện pháp chủ yếu

### **6. Thông tin về Cổ đông/ thành viên góp vốn và Quản trị Công ty**

- 6.1 Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty
- 6.2 Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong năm 2011
- 6.3 Cơ cấu cổ đông
- 6.4 Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% vốn điều lệ)

## THƯ NGỎ

Kính thưa Quý cổ đông, các nhà đầu tư

Năm 2011 đi qua với nhiều diễn biến phức tạp khó lường do bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu kéo dài, nhiều nước đứng đầu thế giới bị bất ổn, lạm phát tăng cao, nợ công lớn, thất nghiệp ngày càng tăng. Kinh tế trong nước cũng trải qua một năm đầy gian nan trắc trở: chi phí, giá thành và lãi suất tăng cao, nhất là nguồn vốn bị thiếu nghiêm trọng đã tác động không tốt đến nền kinh tế, nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng mất cân đối... Trước tình hình đó, Công ty Maseco đã nỗ lực duy trì, phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, đưa doanh thu và lợi nhuận đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Nguyên nhân chính là do Công ty đã tập trung phát huy lợi thế của ngành nghề chủ lực, áp dụng các biện pháp quản lý chặt chẽ, an toàn trong kinh doanh, kiểm soát sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đem lại hiệu quả cao, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao, nộp thuế đầy đủ, chăm lo đời sống người lao động, bảo đảm lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư. Uy tín doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm cũng ngày càng nâng cao tạo nên lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Công ty cũng đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện góp phần xây dựng hình ảnh thân thiện của doanh nghiệp với cộng đồng.

Hướng đến năm 2012 với những dự báo còn nhiều khó khăn không thuận lợi, đòi hỏi tập thể lãnh đạo và cán bộ, nhân viên phải sáng tạo, nỗ lực nhiều hơn nữa mới có thể giữ vững hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội cổ đông giao.

Hội đồng quản trị công ty xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, tin tưởng và cộng tác chặt chẽ của quý cổ đông trong thời gian qua giúp cho công ty vượt qua khó khăn để phát triển ngày càng vững mạnh. Chúng tôi rất mong quý cổ đông cùng toàn thể cán bộ, nhân viên công ty tiếp tục đoàn kết, sát cánh với Hội đồng quản trị để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, xây dựng doanh nghiệp, đem lại nhiều lợi ích cho công ty và cho cổ đông.

**TM. Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Xuân Hàn - Chủ tịch**

## 1. Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Vật tư Dịch vụ & Du lịch Phú Nhuận (Doanh nghiệp nhà nước) thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 971/QĐ-TTg, ngày 02/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Tại thời điểm thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận vào tháng 10 năm 2001, vốn điều lệ của Công ty là 20 tỷ đồng, trong đó cổ đông là Nhà nước nắm giữ 25% tổng vốn điều lệ.

Tháng 10/2004, cổ đông là Nhà nước đã chuyển nhượng hết số cổ phần của mình cho các cổ đông hiện hữu còn lại của Công ty theo công văn số 2179/UB-CNN của Ủy ban Nhân dân TP.HCM.

Là doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực: thương mại, xuất nhập khẩu, sản xuất kinh doanh sản phẩm điện tử, dịch vụ khách sạn nhà hàng và kinh doanh bất động sản.

Hoạt động kinh doanh của công ty trong nhiều năm qua đã có bước tăng trưởng và phát triển đáng kể, cả về doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, thu nhập đời sống cán bộ công nhân lao động và đóng góp cho phúc lợi xã hội. Tổng doanh thu bình quân mỗi năm thực hiện trên 900 tỷ đồng, trong đó công ty duy trì kim ngạch xuất khẩu mỗi năm trên 20 triệu USD; nộp ngân sách nhà nước trên 60 tỷ đồng mỗi năm.

Để đạt được những thành quả đó, công ty xác định hướng đi đúng đắn phù hợp với thực tế, kiên trì xây dựng từng ngành hàng kinh doanh, đội ngũ cán bộ công nhân lao động luôn năng động, sáng tạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức kỷ luật và giữ vững đoàn kết, gắn bó.

Đến nay, Công ty cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận đã có 03 đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ là:

- Phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu năm 2007: Tổng số phát hành 10 tỷ đồng (tương đương 1.000.000 cổ phần).
- Phát hành cổ phiếu thưởng năm 2008: Tổng số phát hành 30 tỷ đồng (tương đương 3.000.000 cổ phần).
- Trong năm 2010, công ty đã phát hành 9.000.000 cổ phần, tương đương 90 tỷ đồng (tính theo mệnh giá) cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên và các đối tác chiến lược.

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, đến ngày 31/12/2011, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng (tương đương 15.000.000 cổ phần).



## 1.2 GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY VÀ HỆ THỐNG CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận được thành lập trên cơ sở Quyết định số 971/QĐ-TTg, ngày 02/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Vật tư Dịch vụ & Du lịch Phú Nhuận thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận.

Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN**  
 Tên tiếng Anh: **PHU NHUAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY**  
 Tên giao dịch viết tắt: **MASECO**  
 Biểu tượng công ty:



Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)  
 Trụ sở chính : 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM  
 Điện thoại : (84-8) 3844 4861 Fax: (84-8) 3844 3264  
 Website : www.maseco.com.vn  
 Email : maseco@maseco.com.vn  
 Trụ sở chính : Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận:  
 Địa chỉ : 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM  
 Điện thoại : (84-8) 38444861 Fax: (84-8) 38443264

### ● CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

#### ● Chi Nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 93 Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội được thành lập cuối năm 2006 với nhiệm vụ kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử của Công ty sản xuất.

#### ● Chi Nhánh Gia Lai:

Địa chỉ: 1028 Hùng Vương thị trấn Chư Sê tỉnh Gia Lai được thành lập từ đầu năm 1999 với nhiệm vụ thu mua và sản xuất chế biến các loại nông sản xuất khẩu, gồm các mặt hàng chủ lực như cà phê nhân, hồ tiêu ...

#### ● Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: 206 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng được thành lập từ cuối năm 2009 với nhiệm vụ kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử của công ty sản xuất.



- **Trung tâm Dịch vụ Điện tử:**

Địa chỉ: 131 Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận được thành lập từ năm 1995 sản xuất kinh doanh trong các sản phẩm điện, điện tử, sản xuất chương trình đĩa nhạc, đĩa karaoke ...

Trung tâm Dịch vụ Điện tử có hệ thống các cửa hàng :

- **Cửa hàng trưng bày và bảo hành sản phẩm số 1:**

Địa chỉ : 07 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, TP HCM.

- **Cửa hàng trưng bày và bảo hành sản phẩm số 2:**

Địa chỉ : 218A Phan Đình Phùng, phường 1, quận Phú Nhuận, TP HCM.

- **Cửa hàng trưng bày và bảo hành sản phẩm số 3:**

Địa chỉ : 69 Hoàng Văn Thụ, phường 15, quận Phú Nhuận, TP HCM.

- **Dịch vụ đa phương tiện (Multi - Media):**

Địa chỉ : 131 Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận, TP HCM.

- **Nhà máy sản xuất:**

Địa chỉ: 07 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, TP HCM.

- **Khách sạn Hoa Mai:**

Địa chỉ: 75 Hoàng Văn Thụ, phường 15, quận Phú Nhuận, với tiêu chuẩn 2 sao quy mô 30 phòng ngủ, cung cấp các dịch vụ nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị, Karaoke.

- **CÁC ĐƠN VỊ GÓP VỐN:**

- **Công ty TNHH Công nghệ Điện tử Phương Đông**

Địa chỉ : A12 Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 35 888 040

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán các sản phẩm điện và điện tử

Tỷ lệ vốn góp của MASECO: 30% vốn điều lệ.

- **Công ty Cổ phần Dịch vụ và xúc tiến thương mại Hiệp hội doanh nghiệp TP.HCM.**

Địa chỉ : 521 - 523 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 256 621

Fax: (84-8) 38 256 039

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Quảng cáo thương mại, Tổ chức hội chợ triển lãm, quảng cáo trưng bày, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo trên truyền hình và internet, đào tạo, liên kết đào tạo cho các doanh nghiệp, tư vấn về quản trị.

Tỷ lệ vốn góp của MASECO: 10% vốn điều lệ.



## NHỮNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ
- SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH NÔNG SẢN XUẤT KHẨU
- KINH DOANH DỊCH VỤ KHÁCH SẠN - NHÀ HÀNG
- DỊCH VỤ ĐẦU TƯ & KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN



## 2.1 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm điện tử tiếp tục được đầu tư phát triển mạnh, nhiều dòng sản phẩm công nghệ mới, kỹ thuật cao đã được nghiên cứu phát triển theo kịp với nhu cầu của người tiêu dùng, thích hợp với nhiều phân khúc thị trường, sở thích và thu nhập của đa dạng đối tượng khách hàng. Việc phát triển, đưa ra hàng loạt sản phẩm mới trong quý 3/2011 với việc tổ chức chuỗi sự kiện lớn, hoành tráng ở 3 trung tâm kinh tế lớn: TP Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng đã khẳng định vị trí hàng đầu của thương hiệu sản phẩm Arirang và uy tín, thế mạnh của Maseco đối với hệ thống phân phối và người tiêu dùng, có tác động tốt cho việc phát triển hệ thống phân phối và mở rộng thị trường tiêu thụ trên cả nước. Công ty tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng thương hiệu bằng nhiều hình thức sinh động như: Tham gia chuỗi hội chợ “Hàng Việt Nam chất lượng cao”, tài trợ các cuộc thi Karaoke của các ngành, các địa phương, ứng dụng khai thác triệt để tiến bộ công nghệ thông tin tạo mối liên hệ nhanh chóng, tiện lợi cho khách hàng trong và ngoài nước. Tiếp tục tham gia cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình “hàng Việt về nông thôn”, tài trợ các hoạt động văn hóa, thể thao, xây dựng nông thôn mới . . . đã có tác động tốt cho việc mở rộng thị trường, tăng uy tín thương hiệu Arirang, được người tiêu dùng bình chọn là “Thương hiệu nổi tiếng” và “Hàng Việt Nam chất lượng cao” trong nhiều năm liên tiếp. Khó khăn hiện nay là sản phẩm điện tử thương hiệu Arirang đang bị làm giả ngày càng nghiêm trọng với số lượng lớn. Tình trạng xâm phạm bản quyền vẫn diễn ra phổ biến. Công ty đã có nhiều biện pháp ngăn chặn, kiến nghị với cơ quan chức năng giải quyết nhưng kết quả chưa đạt được như mong muốn.

- Hoạt động thu mua, chế biến xuất khẩu nông sản trong năm qua cũng gặp nhiều khó khăn do giá xuất khẩu thường thấp hơn giá trong nước tại cùng thời điểm, mặt khác do lãi suất vay vốn tăng cao khó cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh nên các doanh nghiệp trong nước luôn gặp khó khăn và bị động. Trong tình hình đó công ty nỗ lực duy trì xuất khẩu hai mặt hàng chính là Cà phê nhân và Hồ tiêu với phương châm an toàn, đảm bảo nguồn ngoại tệ để nhập khẩu và duy trì mối liên hệ với thị trường để tìm kiếm lợi nhuận khi có cơ hội. Bằng các biện pháp linh hoạt, chặt chẽ, năm 2011 công ty đã xuất khẩu trên 2.600 tấn hồ tiêu, 6.000 tấn cà phê nhân, với kim ngạch đạt trên 28,4 triệu USD tăng 55 % so với năm 2010. Sản phẩm tiêu gia vị tiếp tục phát triển tốt và tiếp tục duy trì quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO và HACCP.

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ được duy trì trong đó khách sạn nhà hàng Hoa Mai có nhiều cố gắng tăng tiện nghi, chất lượng phục vụ giữ công suất sử dụng phòng đạt trên 75%, các dịch ăn uống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy nhiên do các chi phí đầu vào (điện, nước, tiền lương...) thực phẩm, nguyên vật liệu đều tăng liên tục, nhưng giá bán không tăng kịp nên hiệu quả thấp hơn so với các năm trước. Công ty đang xem xét chuyển đổi hình thức hoạt động để đạt hiệu quả cao hơn. Tòa nhà văn phòng 131 Trần Huy Liệu đưa vào khai thác trong tình hình thị trường và giá cho thuê giảm nên doanh thu đạt thấp hơn phương án ban đầu. Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng năm 2011 đã có bước tăng trưởng hơn so với năm 2010.



**Tài chính**

**Nguồn vốn**

**Financial**

**Funding**





**Cổ tức**

**Deividend**

**Lợi nhuận**

**Profit**



## Các chỉ số tài chính cơ bản

Cơ cấu nguồn vốn	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2010
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	60.16	75.09
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	39.84	24.91
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	43.75	38.83
Vốn CSH / Tổng nguồn vốn	%	56.25	61.17
Khả năng thanh toán	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2010
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1.80	2.17
Khả năng thanh toán dài hạn	Lần	0.77	0.29
Tỷ suất sinh lời	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2010
Tỷ suất LNNT / Doanh thu thuần	%	7.18	6.54
Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	6.17	5.22
Tỷ suất LNNT/Tổng tài sản	%	15.07	11.98
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	%	12.95	9.57
Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	%	23.03	15.64

**Tài chính**

**Financial**



## Nguồn vốn

### Funding

#### Vốn và tài chính:

Vốn chủ sở hữu của công ty tại thời điểm 31/12/2011 như sau:

#### Tổng số: 356.912.270.169 đ

Trong đó:

- Vốn của cổ đông đóng góp	150.000.000.000 đ
- Thặng dư vốn cổ phần	124.742.000.000 đ
- Quỹ dự phòng tài chính	7.609.319.144 đ
- Quỹ đầu tư phát triển	20.168.625.245 đ
- Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	2.196.702.100 đ
- Lợi nhuận chưa phân phối	52.195.623.680 đ

#### Những thay đổi về vốn cổ đông:

Trong năm 2011, có 842.245 cổ phần được giao dịch.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011: 23.794 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu thường đã phát hành tới 31/12/2011: 15.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành đến 31/12/2011: 15.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ : không có

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



**Cổ tức**

**Lợi nhuận**

**Devidend**

**Profit**

	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
- Tổng doanh thu	1.150 tỷ	1.331 tỷ	115%
Trong đó			
- Kim ngạch xuất khẩu (USD):	20 triệu	28.42 triệu	142%
- Lợi nhuận trước thuế:	75 tỷ	95,6 tỷ	127%
- Chia cổ tức thấp nhất:	25%	30%	120%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		5.480 đ	



- **TỔNG DOANH THU NĂM 2011:** đạt 115% so với kế hoạch, tăng 37% so với năm 2010, do tăng kim ngạch xuất khẩu nông sản và sản lượng, doanh thu sản phẩm điện tử tăng lên đáng kể góp phần tăng tổng doanh thu chung của công ty.

- **LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ:** đạt 127% so với kế hoạch, tăng hơn 50 % so với năm 2010 do công ty duy trì tốt hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng điện tử và áp dụng các biện pháp an toàn, thận trọng hạn chế thấp nhất các rủi ro.

Đặc điểm nổi bật của thị trường năm 2011 là tình trạng thiếu vốn và lãi vay tăng cao gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh, đã xảy ra nhiều vụ vỡ nợ, lừa đảo, chiếm dụng vốn ... gây bất ổn trong đời sống xã hội. Để giữ ổn định và an toàn trong hoạt động, công ty tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các nguồn vốn, tạm dừng đầu tư các dự án chưa cấp thiết hoặc chưa có khả năng phát huy hiệu quả, tập trung vốn cho những lĩnh vực thế mạnh và tiết giảm chi phí nhất là giảm chi phí trả lãi vay để tăng lợi nhuận.

- **CHIA CỔ TỨC:** Nghị quyết đại hội năm 2011 dự kiến chia cổ tức là 25%, tuy nhiên với kết quả lợi nhuận thực hiện vượt mức kế hoạch, Hội đồng quản trị đề xuất mức chia cổ tức năm 2011 là 30% đạt 120% so với kế hoạch.

- **VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN:**

- Cao ốc văn phòng Maseco tại số 149-151 Nguyễn Văn Trỗi với quy mô 01 tầng trệt, 11 tầng lầu và 02 tầng hầm để xe. diện tích kinh doanh là 4.242 m<sup>2</sup> đã hoàn tất thi công, đang hoàn thiện các thủ tục kiểm định chất lượng và hoàn thành công trình để đưa vào khai thác.

- Đang lập hồ sơ khảo sát thiết kế để xin giấy phép xây dựng khách sạn 3 sao tại số 157 Phan Đăng Lưu phường 1 quận Phú Nhuận. Vốn đầu tư ước khoảng 120 tỷ đồng. Tuy nhiên trong tình hình thị trường và vốn đang có khó khăn, Hội đồng quản trị công ty đang cân nhắc lựa chọn phương án thích hợp có hiệu quả nhất.

- Nhà máy điện tử Hiệp Phước 1 và 2 tại khu công nghiệp Hiệp Phước huyện Nhà Bè, đã thi công hoàn thiện với tổng diện tích xây dựng trên 18.000 m<sup>2</sup> kinh phí đầu tư khoảng 96 tỷ đồng, trong đó vốn vay trung hạn là 61 tỷ đồng. Dự kiến đưa vào khai thác trong quý 2/2012.

- Dự án hoán đổi khu đất số 7 Hoàng Minh Giám để quận xây dựng bệnh viện và công ty nhận khu đất số 274 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8 quận Phú Nhuận để xây dựng khách sạn cao cấp không thực hiện được do thẩm định giá đất quá cao không phù hợp, thời gian kéo dài ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của công ty. HĐQT đã quyết định và báo cáo với UBND quận không tiếp tục thực hiện dự án.

- Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu tại khu công nghiệp Đất Cuốc huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã được cấp giấy phép xây dựng, tuy nhiên do tình hình thị trường đang có khó khăn nên HĐQT quyết định tạm dừng đầu tư để dành vốn cho các mục đích khác có hiệu quả hơn cho công ty. Tuy nhiên khi thị trường chuyển biến tốt, công ty sẽ tiếp tục thực hiện và báo cáo với cổ đông.

### **TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ ĐẢM BẢO AN NINH TRẬT TỰ:**

Trong kinh doanh, công ty luôn kiên định đề cao nguyên tắc thượng tôn pháp luật, chỉ làm những gì mà luật pháp không cấm, chấp hành và thực hiện kê khai nộp thuế đầy đủ đúng thời hạn, tổng số thuế đã nộp trong năm 2011 là 62.694 triệu đồng, trong đó thuế GTGT 32.440 triệu, thuế thu nhập doanh nghiệp 13.338 triệu, thuế XNK 13.542 triệu và 3.374 triệu thuế thu nhập cá nhân. Công tác quản lý, sử dụng chứng từ, hóa đơn luôn được công ty quan tâm thực hiện nghiêm túc đúng quy định, không để xảy ra sai sót.

- Hoạt động xuất nhập khẩu luôn được quản lý thực hiện đúng quy định. Trong năm qua số lượng có tăng so với năm 2010 nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt, không để xảy ra sai sót, qua đó công ty được thuận lợi trong việc phân luồng kiểm tra ưu tiên giúp cho việc giao nhận hàng nhanh chóng và giảm chi phí. Các chế độ đối với người lao động đều được công ty thực hiện đầy đủ, luôn cao hơn quy định của nhà nước và thỏa ước lao động tập thể.

- Công ty luôn quan tâm đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trong doanh nghiệp, thường xuyên kiểm tra điều chỉnh bổ sung các phương án, phương tiện, công cụ phòng chống trộm cắp, phòng chống cháy nổ, xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh. Lực lượng tự vệ và phòng cháy chữa cháy tham gia huấn luyện và hội thao hàng năm đạt thành tích cao.







Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### **Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

#### **Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### **Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và



### **Xác nhận**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 27 tháng 02 năm 2012

**TM.Hội đồng Quản trị**



**Ông Nguyễn Xuân Hàn - Chủ tịch**





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited  
**Office:** 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email : aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 11312/AISC-DN7

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN**

**Kính gửi:**

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 21 tháng 01 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**TP. HCM, ngày 27 tháng 02 năm 2012**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Huỳnh Thị Thu Thủy**

Số chứng chỉ KTV: 0978/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Ngọc Tú**

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang  
Representative in Can Tho : 5B, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Can Tho City.

Representative in Hai Phong : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048  
Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620  
Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765  
Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn  
Email: aisc@ctcp.vn



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>381.692.161.545</b>	<b>398.063.227.397</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>162.267.742.009</b>	<b>54.803.796.910</b>
1. Tiền	111		12.267.742.009	34.803.796.910
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	20.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>92.313.179.358</b>	<b>118.118.524.996</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		44.342.652.904	49.043.002.023
2. Trả trước cho người bán	132		57.915.719.645	100.692.628.045
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.02</b>	1.233.700.207	682.306.753
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11.178.893.398)	(32.299.411.825)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.03</b>	<b>116.628.588.791</b>	<b>216.163.382.506</b>
1. Hàng tồn kho	141		129.486.088.461	216.163.382.506
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.857.499.670)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.482.651.387</b>	<b>8.977.522.985</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.766.191.171	2.594.800.032
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.391.877.019	6.272.795.725
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.04</b>	2.324.583.197	109.927.228

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>252.805.836.510</b>	<b>132.071.529.855</b>
(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>234.197.137.761</b>	<b>113.292.831.106</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	50.375.459.671	45.072.761.042
- Nguyên giá	222		67.906.852.373	60.235.001.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.531.392.702)	(15.162.240.339)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	83.918.356.513	8.786.391.357
- Nguyên giá	228		83.918.356.513	8.786.391.357
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	99.903.321.577	59.433.678.707
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.08</b>	<b>6.867.200.000</b>	<b>6.967.200.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.500.000.000	1.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.367.200.000	5.467.200.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.09</b>	<b>11.741.498.749</b>	<b>11.811.498.749</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11.681.498.749	11.801.498.749
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		60.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>634.497.998.055</b>	<b>530.134.757.252</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>277.585.727.886</b>	<b>205.875.681.037</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>212.006.733.415</b>	<b>183.252.787.587</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	138.833.058.976	131.941.385.060
2. Phải trả cho người bán	312		12.485.189.460	4.148.975.498
3. Người mua trả tiền trước	313		372.112.235	2.887.893.765
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	12.747.958.438	7.819.599.847
5. Phải trả người lao động	315		22.702.953.522	20.095.991.090
6. Chi phí phải trả	316	V.12	12.733.801.571	7.900.766.837
7. Phải trả nội bộ	317		2.525.795	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	333.348.166	375.811.338
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		11.795.785.252	8.082.364.152
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.578.994.471</b>	<b>22.622.893.450</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.021.300.000	322.500.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	63.750.122.505	21.337.473.730
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		807.571.966	962.919.720
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>356.912.270.169</b>	<b>324.259.076.215</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>356.912.270.169</b>	<b>324.259.076.215</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.742.000.000	124.742.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(3.072.858.273)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.168.625.245	15.450.009.769
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.609.319.144	5.073.319.144
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.196.702.100	1.761.990.100
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		52.195.623.680	30.304.615.475
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>634.497.998.055</b>	<b>530.134.757.252</b>



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		46.268.909.901	13.969.498.076
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Trần Thị Lụa

Tp. HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2012  
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hàn

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 16	1.331.795.997.772	971.155.627.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 17	28.795.436	31.212.364
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI. 18</b>	<b>1.331.767.202.336</b>	<b>971.124.415.086</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 19	1.134.191.401.789	785.577.075.405
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>197.575.800.547</b>	<b>185.547.339.681</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	8.131.652.169	4.621.145.493
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	26.588.194.987	30.638.536.448
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.788.129.202	15.345.427.516
8. Chi phí bán hàng	24		36.351.541.600	26.751.853.512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47.606.334.638	70.408.550.974
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>95.161.381.491</b>	<b>62.369.544.240</b>
11. Thu nhập khác	31		788.285.211	1.246.355.175
12. Chi phí khác	32		338.145.996	125.274.786
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>450.139.215</b>	<b>1.121.080.389</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>95.611.520.706</b>	<b>63.490.624.629</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.22	13.415.897.026	12.509.770.363
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	243.150.305
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>82.195.623.680</b>	<b>50.737.703.961</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.23	5.480	5.059

Tp. HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng



Trần Thị Lụa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hàn

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	1.431.811.594.145	1.357.192.703.653
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(810.051.528.561)	(858.256.896.796)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(32.121.690.269)	(37.397.669.681)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(18.350.623.044)	(15.345.635.750)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(8.089.770.363)	(12.864.471.060)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	862.718.167.636	307.340.153.824
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(815.383.464.260)	(91.242.473.032)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>	<b>610.532.685.284</b>	<b>649.425.711.158</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSCĐ khác	21	(8.130.363.637)	(267.745.707)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	428.200.000	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	(1.700.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	100.000.000	827.726.760
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	1.600.506.325	75.000.000
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.001.657.312)</b>	<b>(965.018.947)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		23.200.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.732.900.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(454.348.530.911)	(582.698.326.742)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(42.718.551.962)	(28.938.968.306)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(497.067.082.873)</b>	<b>(603.881.195.048)</b>

2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	107.463.945.099	44.579.497.163
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	54.803.796.910	10.224.299.747
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	162.267.742.009	54.803.796.910

Kế toán trưởng



Trần Thị Lụa

Tp. HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hàn

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại, dịch vụ
- Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.
- Tổng số nhân viên đến cuối năm:** 190 người

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** thực tế đích danh

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

**4.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

*Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 25 năm
*Máy móc, thiết bị	5 năm
*Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
*Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng các công trình và nhà máy tiêu.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con:** khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Tiền thuê văn phòng, công cụ dụng cụ và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 48 tháng.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

### **Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.**

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ **Vốn khác:** Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

### + **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

## 11. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phân bổ dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" trong việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ. Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2011: 20.828 VNĐ/USD.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
<b>Tiền</b>	<b>12.267.742.009</b>	<b>34.803.796.910</b>
Tiền mặt	2.728.452.658	738.895.218
Tiền gửi ngân hàng	9.539.289.351	34.064.901.692
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	150.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>162.267.742.009</b>	<b>54.803.796.910</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
- Văn phòng Công ty	366.248.744	210.619.000
- Chi nhánh Gia Lai	150.235.414	150.235.414
- Trung tâm DV Điện tử	717.216.049	321.452.339
<b>Cộng</b>	<b>1.233.700.207</b>	<b>682.306.753</b>
<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Hàng mua đang đi đường	3.202.400.000	1.721.424.000
Nguyên liệu, vật liệu	68.984.069.711	51.545.028.038
Công cụ, dụng cụ	1.170.990.881	1.368.940.571
Chi phí SX, KD dở dang	-	-
Thành phẩm	235.965.192	131.402.385
Hàng hoá	55.892.662.677	159.477.808.512
Hàng gửi đi bán	-	1.918.779.000
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>129.486.088.461</b>	<b>216.163.382.506</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.857.499.670)	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>116.628.588.791</b>	<b>216.163.382.506</b>
<b>4. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Tạm ứng	1.399.583.197	925.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	925.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.324.583.197</b>	<b>109.927.228</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	42.621.833.403	8.509.064.100	9.104.103.878	<b>60.235.001.381</b>
Mua trong năm	8.040.000.000	500.662.657		<b>8.540.662.657</b>
Thanh lý, nhượng bán		34.986.001	833.825.664	<b>868.811.665</b>
Số dư cuối năm	50.661.833.403	8.974.740.756	8.270.278.214	<b>67.906.852.373</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	6.781.109.337	4.387.206.255	3.993.924.747	<b>15.162.240.339</b>
Khấu hao trong năm	985.228.969	1.071.968.476	861.070.589	<b>2.918.268.034</b>
Thanh lý, nhượng bán		34.986.001	514.129.670	<b>549.115.671</b>
Số dư cuối năm	7.766.338.306	5.424.188.730	4.340.865.666	<b>17.531.392.702</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	35.840.724.066	4.121.857.845	5.110.179.131	<b>45.072.761.042</b>
Số dư cuối năm	42.895.495.097	3.550.552.026	3.929.412.548	<b>50.375.459.671</b>

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VNĐ.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.222.270.117 VNĐ.

**6. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	8.786.391.357	8.786.391.357
Tăng khác	75.131.965.156	75.131.965.156
Số dư cuối năm	83.918.356.513	83.918.356.513
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	8.786.391.357	8.786.391.357
Số dư cuối năm	83.918.356.513	83.918.356.513

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2011	01/01/2011
Bao gồm các công trình		
- Nhà máy tiêu bột - Gia Lai	1.970.280.160	1.970.280.160
- Nhà 78A Nguyễn Văn Trỗi	10.765.011.038	10.765.011.038
- Công trình 131 Trần Huy Liệu	27.125.582.261	22.841.348.263
- Công trình 149-151 Nguyễn Văn Trỗi	26.601.723.485	9.692.499.420
- Công trình 157 Phan Đăng Lưu	178.035.920	161.914.750
- Công trình Hiệp Phước 1	24.479.592.978	3.724.933.000
- Công trình Hiệp Phước 2	8.606.771.190	2.569.711.772
- Kho 34 Xa Lộ Hà Nội	20.870.000	20.870.000
- Quyền sử dụng đất chưa hoàn thành thủ tục pháp lý	-	7.687.110.304
- Khác	155.454.545	-
<b>Cộng</b>	<b>99.903.321.577</b>	<b>59.433.678.707</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>11.681.498.749</b>	<b>11.801.498.749</b>
Phí quảng cáo sân bóng Phú Nhuận	480.000.000	600.000.000
Tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước	6.228.391.381	6.228.391.381
Tiền thuê đất dài hạn KCN Đất Cuốc	4.973.107.368	4.973.107.368
Tài sản dài hạn khác	60.000.000	10.000.000
Ký quỹ ký cược dài hạn	60.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.741.498.749</b>	<b>11.811.498.749</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
"Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh"		<b>1.500.000.000</b>		<b>1.500.000.000</b>
- Cty CN Điện tử Phương Đông		1.500.000.000		1.500.000.000
	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>5.367.200.000</b>		<b>5.467.200.000</b>
Đầu tư cổ phiếu		3.867.200.000		3.867.200.000
- Cty CP DV Phú Nhuận (Công đoàn)		3.867.200.000		3.867.200.000
Đầu tư trái phiếu		-		100.000.000
Đầu tư dài hạn khác		1.500.000.000		1.500.000.000
- Cty CP DV và xúc tiến TM		500.000.000		500.000.000
- Góp vốn cơ sở Thiên Phước		1.000.000.000		1.000.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>		<b>6.867.200.000</b>		<b>6.967.200.000</b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn	137.166.378.976	130.274.705.060
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.666.680.000	1.666.680.000
<b>Cộng</b>	<b>138.833.058.976</b>	<b>131.941.385.060</b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn chi tiết như sau:

- Vay bằng VND:	<b>10.000.000</b>	<b>3.850.885.120</b>
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	-	3.810.885.120
+ Vay huy động cá nhân	10.000.000	40.000.000
- Vay bằng USD	<b>137.156.378.976</b>	<b>126.423.819.941</b>
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	70.779.334.184	69.081.139.509
# USD	3.398.278,00	3.648.908,70
+ Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN HCM	66.377.044.792	57.342.680.432
# USD	3.186.914,0	3.028.876,00

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
Thuế tiêu thụ đặc biệt	771.307	1.322.307
Thuế xuất, nhập khẩu	1.501.495.317	594.345.935
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.245.691.814	5.919.565.152
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.304.366.453
<b>Cộng</b>	<b>12.747.958.438</b>	<b>7.819.599.847</b>

**12. Chi phí phải trả**

	31/12/2011	01/01/2011
Trích trước phí bảo hành sản phẩm	12.713.360.000	7.898.000.000
Trích trước phí khác	20.441.571	2.766.837
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
<b>Cộng</b>	<b>12.733.801.571</b>	<b>7.900.766.837</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	40.588.080	24.274.704
Các khoản phải trả, phải nộp khác	292.760.086	351.536.634
<b>Cộng</b>	<b>333.348.166</b>	<b>375.811.338</b>

<b>14. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Vay dài hạn	63.750.122.505	21.337.473.730
Vay ngân hàng	63.750.122.505	21.337.473.730
+ Ngân hàng Vietcombank CN Bình Tây	63.750.122.505	21.337.473.730
Nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>63.750.122.505</b>	<b>21.337.473.730</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem trang 37)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Vốn góp của Nhà nước	0%	-	-
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	100%	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ phiếu quỹ			
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ tức**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ	chưa công bố	30%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường	chưa công bố	30%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận	-	-

**đ. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	15.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	15.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

<b>16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Doanh thu bán hàng	1.316.647.868.736	959.657.676.714
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.148.129.036	11.497.950.736
<b>Cộng</b>	<b>1.331.795.997.772</b>	<b>971.155.627.450</b>

**17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Hàng bán bị trả lại	18.360.049	18.431.669
Thuê tiêu thụ đặc biệt	10.435.387	12.780.695
<b>Cộng</b>	<b>28.795.436</b>	<b>31.212.364</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(352.115.602)</b>	<b>14.129.543.045</b>	<b>3.437.664.984</b>	<b>1.796.883.100</b>	<b>20.713.263.374</b>	<b>99.725.238.901</b>
- Tăng vốn trong năm nay	90.000.000.000	124.742.000.000						214.742.000.000
- Lãi trong năm			352.115.602				50.737.703.961	50.737.703.961
- Tăng khác				1.320.466.724	1.635.654.160	2.101.000.000	(4.456.120.884)	352.115.602
- Trích lập quỹ						(2.135.893.000)	(4.456.120.884)	601.000.000
- Sử dụng quỹ						(2.135.893.000)	(28.912.500.000)	(2.135.893.000)
- Chia cổ tức							(7.777.730.975)	(28.912.500.000)
- Giảm khác								(10.850.589.249)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>124.742.000.000</b>	<b>(3.072.858.274)</b>	<b>15.450.009.769</b>	<b>5.073.319.144</b>	<b>1.761.990.100</b>	<b>30.304.615.476</b>	<b>324.259.076.215</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>124.742.000.000</b>	<b>(3.072.858.274)</b>	<b>15.450.009.769</b>	<b>5.073.319.144</b>	<b>1.761.990.100</b>	<b>30.304.615.476</b>	<b>324.259.076.215</b>
- Tăng vốn trong năm								-
- Lãi trong năm							82.195.623.680	82.195.623.680
- Tăng khác			3.072.858.274					3.072.858.274
- Trích lập quỹ				4.718.615.476	2.536.000.000	1.700.000.000	(17.054.615.476)	(8.100.000.000)
- Sử dụng quỹ						(1.265.288.000)		(1.265.288.000)
- Chia cổ tức 2010							(13.250.000.000)	(13.250.000.000)
- Tạm ứng cổ tức 2011							(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>124.742.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.168.625.245</b>	<b>7.609.319.144</b>	<b>2.196.702.100</b>	<b>52.195.623.680</b>	<b>356.912.270.169</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2011	Năm 2012
<b>18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	1.316.619.073.300	959.626.464.350
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	15.148.129.036	11.497.950.736
<b>Cộng</b>	<b>1.331.767.202.336</b>	<b>971.124.415.086</b>
<b>19. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa bán ra	1.384.109.223.792	777.170.282.337
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.201.471.867	8.406.793.068
<b>Cộng</b>	<b>1.394.310.695.659</b>	<b>785.577.075.405</b>
<b>20. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.514.027.063	1.512.483.219
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	18.000.000	15.618.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	705.000.000	75.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.744.625.106	2.712.893.555
Doanh thu hoạt động tài chính khác	150.000.000	305.150.719
<b>Cộng</b>	<b>8.131.652.169</b>	<b>4.621.145.493</b>
<b>21. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Lãi tiền vay	12.788.129.202	15.346.635.750
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	88.985.528	52.673.240
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	72.273.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.711.080.257	15.166.954.008
<b>Cộng</b>	<b>26.588.194.987</b>	<b>30.638.536.448</b>
<b>22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>95.611.520.706</b>	<b>63.490.624.629</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>	<b>194.393.575</b>	<b>(1.222.042.912)</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	899.393.575	68.708.612
<i>Quy lương chưa chi</i>	-	55.658.612
<i>Tài trợ cho đội bóng chuyên Long An</i>	300.000.000	13.050.000
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	599.393.575	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(705.000.000)	(1.290.751.524)
<i>Hoàn nhập CLTG chưa thực hiện năm trước</i>	-	-
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(705.000.000)	(75.000.000)
<i>Hoàn nhập lãi trong hàng tồn kho năm trước</i>	-	(1.215.751.524)
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>95.805.914.281</b>	<b>62.268.581.717</b>
Trong đó		
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính	95.718.227.810	61.147.501.328
Thu nhập khác	87.686.471	1.121.080.389
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính	25%	25%
Thu nhập khác		
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>19.165.567.180</b>	<b>12.509.770.363</b>
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính	19.143.645.562	12.229.500.266
Thu nhập khác	21.921.61	280.270.097

5. Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN năm 2011	(5.749.670.154)	
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	13.415.897.026	12.509.770.363
<b>23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	82.195.623.680	50.737.703.961
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	82.195.623.680	50.737.703.961
Cổ phiếu công đồng đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	10.029.863
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.480	5.059

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thay đổi chính sách kế toán

Như đã trình bày ở thuyết minh số IV.13, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 mà Công ty đã áp dụng trong năm 2010. Sự khác biệt này ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính như sau:

	Thông tư 201	VAS 1	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(599.393.575)	-	(599.393.575)
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	(599.393.575)	599.393.575
Lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo KQKD	-	(599.393.575)	599.393.575

Kế toán trưởng



Trần Thị Lụa

Tp. HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2012



Nguyễn Xuân Hàn

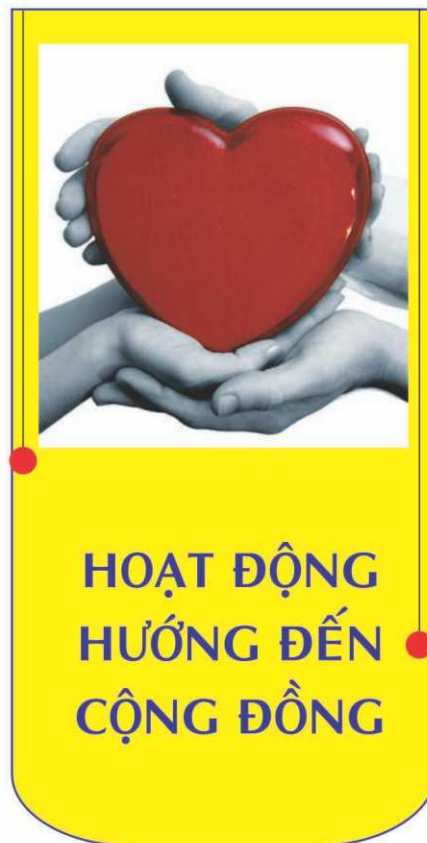
## PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Sản phẩm điện tử được đầu tư phát triển mạnh, nhiều dòng sản phẩm công nghệ mới, kỹ thuật cao đã được đưa ra thị trường. Quý 3/2011 với chuỗi sự kiện giới thiệu sản phẩm hoành tráng ở 3 trung tâm kinh tế lớn: TP Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng đã khẳng định vị trí hàng đầu của thương hiệu sản phẩm Arirang và uy tín, thế mạnh của Maseco đối với hệ thống phân phối và người tiêu dùng. Công ty tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng thương hiệu bằng nhiều hình thức sinh động như: Tham gia, tài trợ các cuộc thi Karaoke của các ngành, các địa phương, tham gia chuỗi hội chợ “Hàng Việt Nam chất lượng cao”, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình “hàng Việt về nông thôn”, tài trợ các hoạt động văn hóa, thể thao, xây dựng nông thôn mới . . . Được người tiêu dùng bình chọn là “Thương hiệu nổi tiếng” và “Hàng Việt Nam chất lượng cao” trong nhiều năm liên tiếp. Đội bóng chuyên Nam TP.HCM do Công ty tài trợ, thi đấu xuất sắc đạt hạng Nhất giải hạng A toàn quốc 2011, thăng hạng thi đấu Giải vô địch quốc gia từ năm 2012





Hoạt động xã hội, từ thiện được duy trì, thực hiện thường xuyên thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng bằng các việc làm cụ thể như: đóng góp cho quỹ vì người nghèo, hỗ trợ xây dựng 06 nhà tình nghĩa, 20 nhà tình thương, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, các cơ sở nuôi dưỡng người già neo đơn, trẻ em mồ côi, khuyết tật, bệnh nhân nghèo, cứu trợ thiên tai, bão lụt... với tổng số tiền đã đóng góp cho hoạt động xã hội từ thiện năm 2011 trên 3,5 tỷ đồng.



2011

MASECO BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN







# PHẦN 3: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2011 là 184 người, Cơ cấu lao động của Công ty thể hiện như sau:

Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ
- Đại học và trên đại học	47 người	25,55%
- Cao đẳng, trung cấp	71 người	38,59%
- Lao động có tay nghề	16 người	8,69%
- Lao động phổ thông	50 người	27,17%
Phân theo nhiệm vụ công việc	Số lượng	Tỷ lệ
- Lao động quản lý và bán hàng	45 người	24,46%
- Chuyên viên kỹ thuật	78 người	42,39%
- Công nhân lao động phổ thông	61 người	33,15%
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	Số lượng	Tỷ lệ
- HĐLĐ không xác định thời hạn	14 người	7,61%
- HĐLĐ có xác định thời hạn	167 người	90,76%
- HĐLĐ thời vụ, khoán việc	03 người	1,63%



## Chính sách đối với người lao động

Trong năm qua do ảnh hưởng của lạm phát, suy thoái kinh tế, đời sống của người lao động gặp nhiều khó khăn, công ty có nhiều biện pháp thiết thực hỗ trợ giúp cho người lao động vượt qua khó khăn yên tâm gắn bó với công việc. Thực hiện một số chính sách đãi ngộ đối với người lao động đặc biệt là người lao động có trình độ cao luôn được Công ty chú trọng. Việc đãi ngộ được thể hiện cụ thể thông qua các qui chế tiền lương, tiền thưởng, lương trách nhiệm và chức vụ của Công ty, xem đây là biện pháp quan trọng giúp người lao động yên tâm gắn bó với doanh nghiệp.

Cụ thể đã có 3 lần tăng mức lương tối thiểu của doanh nghiệp, nâng mức thu nhập bình quân là 6,9 triệu đồng/người/tháng, tăng 38 % so với năm 2010, tăng tiền ăn trưa lên 25.000đồng/ người/bữa ăn. Các chế độ tiền thưởng, phúc lợi tập thể đều được công ty thực hiện đúng quy định. Ngoài ra công ty còn quan tâm tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp học bổng cho con CBNV, hỗ trợ tiền thuê nhà và trợ cấp đột xuất cho các trường hợp khó khăn.

Người lao động trong Công ty còn được thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách lao động theo đúng qui định pháp luật và thỏa ước lao động tập thể như chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, thời giờ làm việc, nghỉ hàng năm... Công ty cũng thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật.

Công tác bảo hộ cũng được Công ty quan tâm thực hiện đầy đủ, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và cảnh quan nơi làm việc, qua đó đã được công nhận đơn vị văn hóa nhiều năm liền, được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen về Công tác an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ giai đoạn 2009 – 2011 và Bộ Lao động và Thương binh xã hội tặng Bằng khen và Cờ thi đua xuất sắc về công tác bảo hộ lao động

# ● THÀNH TÍCH NỔI BẬT NĂM 2011

## Những khen thưởng năm 2011

Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen về Công tác an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ giai đoạn 2009 – 2011.

Bộ Lao động và Thương binh xã hội tặng Bằng khen và Cờ thi đua xuất sắc về công tác bảo hộ lao động.

UBND thành phố Hồ Chí Minh tặng cờ thi đua đơn vị xuất sắc khối doanh nghiệp và đề nghị thủ tướng chính phủ tặng cờ thi đua.

UBND thành phố Hồ Chí Minh tặng 05 bằng khen về các thành tích hoạt động công tác xã hội từ thiện, tham gia cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, công tác khuyến học, phối hợp tổ chức thực hiện tốt các hoạt động văn hóa trên địa bàn thành phố, xây dựng và phát triển phong trào Thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận Công ty Maseco là tập thể lao động xuất sắc trong năm.

Bộ Công thương tặng bằng khen thành tích tham gia chương trình “Hàng Việt về nông thôn” và chứng nhận Doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín. Bộ NN và PTNT tặng bằng khen thành tích xuất khẩu Hồ tiêu.

Tiếp tục đạt danh hiệu “Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam” do chương trình VR 500 báo VietNamnet bình chọn và “top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do VietNam Report công bố.

Cùng nhiều bằng khen, giấy khen của các ngành, các địa phương trao tặng về công tác an ninh quốc phòng, phòng cháy chữa cháy và các hoạt động xã hội.

Chi bộ là Cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh 5 năm liên tục được Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh công nhận và tặng cờ thi đua.

Công đoàn cơ sở được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc, Chi đoàn thanh niên được Trung ương Đoàn tặng bằng khen.







• ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



2011

MASECO BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Công ty tiếp tục thực hiện định hướng sản xuất kinh doanh các lĩnh vực có thế mạnh là “Thương mại – Xuất nhập khẩu – Sản xuất và Dịch vụ”, trong đó lĩnh vực sản xuất kinh doanh sản phẩm điện tử và xuất khẩu nông sản là ngành hàng quan trọng, đẩy nhanh hoàn thiện khai thác các cơ sở vật chất đã đầu tư, với các nhiệm vụ chủ yếu như sau

### VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG ĐIỆN TỬ



Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để phát triển các chủng loại sản phẩm có nhiều tính năng mới thích hợp với nhu cầu sử dụng của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau với chất lượng ngày càng nâng cao, hình thức mẫu mã đẹp, hiện đại vừa phục vụ tốt người tiêu dùng, vừa tích cực chống hàng giả chống xâm phạm quyền bản quyền.

Đầu tư phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước bằng các biện pháp xây dựng các kênh phân phối hữu hiệu, hệ thống mạng lưới bảo hành mạnh, rộng rãi tiện lợi cho người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm Arirang. Tiếp tục ứng dụng tiến bộ công nghệ thông tin, khai thác có hiệu quả các dịch vụ truyền thông đa phương tiện để tăng hiệu quả quảng cáo tiếp thị, tăng tiện ích và hiệu quả kinh doanh.

2011

MASECO BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



## VỀ KINH DOANH NÔNG SẢN XUẤT KHẨU, DỊCH VỤ KHÁCH SẠN, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC

### **Kinh doanh nông sản xuất khẩu:**

Nghiên cứu các hình thức thích hợp để duy trì thu mua, chế biến xuất khẩu 2 mặt hàng cà phê nhân và hồ tiêu. Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm tiêu bột, tiêu xay thành phẩm, từng bước tăng thêm sản phẩm gia vị, đồng thời đẩy mạnh quảng cáo tiếp thị phát triển thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Trong tình hình giá xuất khẩu đang có lợi cho người sản xuất, nhưng cũng ẩn chứa những biến động bất ngờ, do đó quá trình kinh doanh cần thận trọng nhạy bén đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và hạn chế rủi ro.

### **Về kinh doanh dịch vụ và đầu tư xây dựng:**

Đẩy mạnh khai thác kinh doanh cao ốc văn phòng. Trong tình hình thị trường văn phòng cho thuê đang gặp khó khăn, công ty tìm chọn các hình thức khai thác đảm bảo hiệu quả nhất. Tích cực lựa chọn các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của khách sạn Hoa Mai theo hướng chuyển đổi phương thức kinh doanh tăng tính chủ động, sáng tạo, đảm bảo được hiệu quả cho Công ty.

### **Các lĩnh vực kinh doanh khác:**

Trong quá trình hoạt động, công ty kết hợp sử dụng các lợi thế hiện có để tham gia các lĩnh vực kinh doanh mới, các dự án tốt có thể đem lại hiệu quả cho công ty.



## CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ NĂM 2012

<b>Tổng doanh thu</b>	<b>:</b>	<b>1.300 tỷ</b>
<b>Kim ngạch XK</b>	<b>:</b>	<b>20 triệu USD</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>:</b>	<b>80 tỷ</b>
<b>Chia cổ tức</b>	<b>:</b>	<b>25 %</b>

Tổng doanh thu năm 2012 không tăng so với năm 2011, do dự báo hoạt động xuất khẩu nông sản có nhiều khó khăn nên công ty chủ trương hết sức thận trọng để tránh rủi ro.

Lợi nhuận trước thuế phần đầu đạt 80 tỷ đồng bằng 84% năm 2011 do công ty dự báo chi phí giá vốn tăng, trong lúc giá bán hàng hóa không tăng, giảm lợi nhuận gộp. Mặt khác năm 2012 công ty cần đầu tư nhiều hơn cho hoạt động quảng cáo, tiếp thị xây dựng thương hiệu và đầu tư công nghệ để phát triển sản phẩm mới, nên mức lợi nhuận dự kiến là hợp lý. Tuy nhiên trong thực hiện công ty sẽ hết sức nỗ lực để đạt được hiệu quả cao nhất.

Dự kiến chia cổ tức cho cổ đông thấp nhất là 25%.

## CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

### Về vốn, tài chính:

Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các nguồn vốn của công ty, đảm bảo an toàn, chủ động và đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Đối với các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, công ty sẽ cân nhắc và thực hiện khi tình hình thuận lợi và có phương án khả thi.

Tiếp tục thực hiện phương án tăng thêm 50 tỷ đồng vốn điều lệ để bổ sung vốn kinh doanh, đưa tổng vốn điều lệ công ty lên 200 tỷ đồng vào năm 2013. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm niêm yết.

Duy trì quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và vốn trung, dài hạn đầu tư các dự án của công ty trong thời gian tới.

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán vào thời điểm thích hợp.

Chuẩn bị các phương án khai thác, thu hồi vốn tại các dự án đã đầu tư để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư mới.

### Xây dựng thương hiệu, bảo đảm chất lượng sản phẩm:

Duy trì và đẩy mạnh hoạt động quảng cáo tiếp thị với mục tiêu phát triển mạnh mẽ thương hiệu sản phẩm điện tử bằng những hình thức đa dạng phù hợp với thị trường và các đối tượng tiêu dùng khác nhau. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả khai thác trên môi trường internet và từng bước tiếp cận hình thức thương mại điện tử và dịch vụ mạng.

Quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm từ khâu cung ứng, lựa chọn vật tư, linh kiện, trong quá trình sản xuất và trước khi xuất xưởng bảo đảm đạt chất lượng đã công bố và hạn chế thấp nhất sản phẩm lỗi dưới mức cho phép.



Đầu tư phát triển, mở rộng mạng lưới phân phối, bảo hành sản phẩm tạo thuận lợi cho người tiêu dùng và tăng thêm thị phần tiêu thụ sản phẩm.

Tập trung nghiên cứu các biện pháp chống hàng giả bảo vệ thương hiệu và lợi ích của người tiêu dùng, liên hệ phối hợp với các cơ quan chức năng chống việc sao chép, xâm phạm bản quyền tác giả và bản quyền sở hữu công nghiệp.

#### **Đầu tư xây dựng cơ bản:**

Đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thiện cao ốc văn phòng Maseco số 149-151 Nguyễn Văn Trỗi quận Phú Nhuận, đưa vào khai thác trong quý II năm 2012.

Hoàn tất xây dựng nhà máy điện tử Hiệp Phước I và II vào quý II/2012.

Tiếp tục theo sát tình hình, nhu cầu để quyết định việc khởi công xây dựng nhà máy chế biến hàng nông sản tại khu công nghiệp Đất Cuốc, Bình Dương khi có đủ các điều kiện thuận lợi.

Nghiên cứu phương án khai thác sử dụng các mặt bằng 157 Phan Đăng Lưu và số 7 Hoàng Minh Giám có hiệu quả, nhất là trong tình hình hiện nay đang có khó khăn về vốn và thị trường.

#### **Kiện toàn tổ chức bộ máy:**

Tập trung nghiên cứu, xây dựng phương án điều chỉnh hình thức hoạt động của các chi nhánh hiện nay theo hướng chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty cổ phần để tăng tính chủ động, trách nhiệm trong kinh doanh.

Sắp xếp bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp, tăng cường nhân lực các phòng chức năng đủ mạnh để làm tốt công tác quản lý và tham mưu cho lãnh đạo công ty, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật về tổ chức bộ máy của công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

#### **Nâng cao năng lực quản lý điều hành:**

Thực hiện tốt cơ chế tiền lương, tiền thưởng linh hoạt, gắn thu nhập với năng suất, hiệu quả, trách nhiệm của từng người, khuyến khích nâng cao trách nhiệm và hiệu quả công việc có tác động thu hút bổ sung nguồn nhân lực cho quá trình phát triển của công ty.

Tăng cường giáo dục nâng cao hiểu biết và ý thức pháp luật trong kinh doanh cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, đảm bảo mọi hoạt động đều đúng với quy định của pháp luật và của công ty, giữ vững đoàn kết trong nội bộ.

Hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, đảm bảo chất lượng thông tin chính xác kịp thời. Duy trì phong trào thi đua trong toàn công ty, thực hiện tốt các hình thức khen thưởng kịp thời động viên các tập thể, cá nhân tích cực đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp.

Ứng dụng các qui trình quản lý mới, tiên tiến và công nghệ thông tin để nâng cao năng lực quản lý điều hành Công ty



# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

2011

MASECO BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong năm 2011

TT	Họ tên	Chức vụ	SLCP	Tỷ lệ
1	Nguyễn Xuân Hàn	Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám Đốc	1.476.008	9,84%
2	Đỗ Hướng Dương	P.Chủ tịch thường trực HĐQT- Phó TGĐ	549.539	3,66%
3	Trương Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	588.539	3,92%
4	Trịnh Ngọc Minh	Thành viên HĐQT- Phó TGĐ	1.342.673	8,95%
5	Lê Thiện Hưng	Thành viên HĐQT	687.939	4,59%
6	Nguyễn Tấn Phi Khanh	Thành viên HĐQT	334.039	2,23%
7	Trần Thị Lựa	Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng	536.517	3,57%
8	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm soát	140.379	0,94%
9	Nguyễn Việt Trung	Thành viên BKS	10.000	0,06%
10	Đặng Văn Tuấn	Thành viên BKS	40.000	0,26%

### Cơ cấu cổ đông ( Thời điểm 31/12/2011)

TT	Phân loại cổ đông	Khối lượng	Tỷ lệ	SL cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	HĐQT, BGĐ, BKS, KTT	5.705.633	38,04%	10	-	10
3	Cổ đông trong nước	7.244.367	48,29%	272	6	266
4	Cổ đông nước ngoài	2.050.000	13,67%	3	3	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>285</b>	<b>9</b>	<b>276</b>

### Danh sách cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% Vốn điều lệ)

Nội dung	SLCĐ	Khối lượng	Tỷ lệ
Cổ đông lớn nắm giữ trên 5% số cổ phần có quyền biểu quyết	05	5.863.841	39.09%
Trong đó:			
- Trong nước	03	3.863.841	25.76%
- Nước ngoài	02	2.000.000	13.33%
Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết	279	9.136.159	60.91%
Trong đó:			
- Trong nước	278	9.086.159	60.58%
- Nước ngoài	01	50.000	0.33%







# HỆ THỐNG QUẢN TRỊ



**ÔNG NGUYỄN XUÂN HÀN**

Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc  
 Ngày tháng năm sinh: 11.08.1957  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Đại học



**ÔNG ĐỖ HƯỚNG DƯƠNG**

Phó Chủ tịch thường trực HĐQT  
 Phó Tổng giám đốc  
 Ngày tháng năm sinh: 27.02.1958  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Đại học



**BÀ TRƯƠNG THỊ THANH TÂM**

Phó Chủ tịch HĐQT  
 Ngày tháng năm sinh: 15.08.1947  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Trung cấp





**ÔNG TRỊNH NGỌC MINH**

Thành viên HĐQT  
Phó Tổng giám đốc  
Ngày tháng năm sinh: 24.09.1962  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



**ÔNG LÊ THIÊN HƯNG**

Thành viên HĐQT  
Giám đốc TT.Dịch vụ điện tử  
Ngày tháng năm sinh: 05.08.1969  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



**ÔNG NGUYỄN TẤN PHI KHANH**

Thành viên HĐQT  
Trưởng phòng Hành chính nhân sự  
Ngày tháng năm sinh: 02.05.1967  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



**BÀ TRẦN THỊ LỤA**

Thành viên HĐQT  
Trưởng phòng Tài chính kế hoạch  
Ngày tháng năm sinh: 08.08.1966  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



# • BAN KIỂM SOÁT

## TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



### BÀ NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Ngày tháng năm sinh: 19.10.1964

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học



## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



**ÔNG NGUYỄN VIỆT TRUNG**

Ngày tháng năm sinh: 13.07.1971  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ



**ÔNG ĐẶNG VĂN TUẤN**

Ngày tháng năm sinh: 20.01.1957  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học

## • BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### • TỔNG GIÁM ĐỐC



**ÔNG NGUYỄN XUÂN HÀN**

Ngày tháng năm sinh: 11.08.1957

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học

## ● PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



**ÔNG ĐỖ HƯỚNG DƯƠNG**

Ngày tháng năm sinh: 27.02.1958  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



**ÔNG TRỊNH NGỌC MINH**

Ngày tháng năm sinh: 24.09.1962  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN**  
**PHU NHUAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY**

Trụ sở chính: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8  
Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (84-8) 3844 4861

Fax: (84-8) 3844 3264

Website: [www.maseco.com.vn](http://www.maseco.com.vn)

Email: [maseco@maseco.com.vn](mailto:maseco@maseco.com.vn)